

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN HIỆN NAY (TRƯỜNG HỢP VÙNG TRUNG DU MIỀN NÚI BẮC BỘ)

NGUYỄN XUÂN DŨNG*

Tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) nông nghiệp nông thôn, mà thực chất là quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp - một trong những nội dung cơ bản của toàn bộ quá trình CNH, HĐH, là bộ phận cấu thành hữu cơ của quá trình CNH, HĐH đất nước trong giai đoạn tới - giai đoạn có ý nghĩa hết sức quan trọng, giai đoạn “tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”⁽¹⁾. Sau 20 năm đổi mới và mở cửa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn trên phạm vi cả nước, trong đó có vùng Trung du miền núi Bắc Bộ⁽²⁾ (TDMNBB) đã đạt được những thành tựu hết sức quan trọng, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp của khu vực này chưa thực sự tương xứng với tiềm năng và lợi thế của nó, ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển bền vững. Bài viết tập trung đánh giá khái quát thực trạng và đề xuất một số giải pháp về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp vùng TDMNBB trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn.

1. Khái quát thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Trung du miền núi Bắc bộ trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn

Nhìn một cách tổng quát, các cơ chế, chính sách đổi mới đã mang lại một sinh khí mới cho khu vực nông nghiệp⁽³⁾. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn trên phạm vi cả nước đã có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng giá trị sản xuất nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp và thủy sản) tăng giá trị sản

* TS. Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội.

xuất công nghiệp và dịch vụ, tạo tiền đề căn bản cho quá trình CNH, HĐH đất nước nói chung cũng như cho việc thực hiện chiến lược CNH hướng về xuất khẩu. Tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản trong GDP đã giảm dần từ 24,5% năm 2000 xuống 20,9% năm 2005 - điều này phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH đất nước.

Đối với vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn vùng TDMNBB thời gian qua có thể đánh giá khái quát như sau:

- Về chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế nông nghiệp vùng TDMNBB: tỷ trọng GDP có chiều hướng gia tăng, nếu năm 2000 GDP của khu vực này đạt 10.677,7 tỷ VND thì đến năm 2005 ước là 14.072,3 tỷ VND (tính theo giá so sánh 1994); trong đó, ứng với thời gian trên, tỷ trọng GDP ngành nông nghiệp tăng từ 80,5% lên 83,4%; tỷ trọng GDP ngành lâm nghiệp giảm từ 16,9% xuống 14,4%; tỷ trọng GDP ngành nuôi trồng thủy sản không ổn định từ 2,6% xuống 2,3%⁽³⁾.

Cơ cấu sản xuất nông nghiệp vùng TDMNBB bước đầu chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá, đa dạng hoá cây trồng và vật nuôi, xoá dần tình trạng độc canh cây lương thực. Cơ cấu sản xuất nội bộ ngành nông nghiệp cũng chuyển dịch một cách hợp lý, diện tích trồng trọt giảm từ 71,8% năm 2000 xuống 69,8% năm 2005; ứng với thời gian trên, chăn nuôi gia súc, gia cầm tăng từ 26,5% lên 28,5%, dịch vụ nông nghiệp giảm từ 1,7% xuống 1,6%. Như vậy, có thể nói rằng sản xuất nông nghiệp là ngành sản xuất chủ đạo của vùng, có tiềm năng và lợi thế, được quan tâm đầu tư phát triển hơn các ngành khác trong nội bộ khu vực nông nghiệp nông thôn, nhưng tốc độ chuyển dịch trong nội bộ ngành nông nghiệp còn chậm, trong đó dịch vụ nông nghiệp chiếm một tỷ trọng nhỏ và kém phát triển.

Chuyển dịch cơ cấu diện tích đất trồng trọt hợp lý, tỷ lệ diện tích trồng cây hàng năm giảm từ 77,8% năm 2000 ước xuống 76,1% năm 2005; ứng với thời gian trên, tỷ lệ diện tích đất trồng cây lâu năm tăng từ 12,3% ước lên 14,1%; tỷ lệ diện tích đất vườn tạp cũng giảm dần từ 10,2% ước xuống 9,8%. Trong cơ cấu diện tích gieo trồng hàng năm thì cây lương thực được coi là nhóm cây chủ lực, chiếm khoảng 83% - 84%, trong đó lúa và ngô là hai cây lương thực chính. Lương thực có hạt bình quân tính theo đầu người của vùng TDMNBB tăng nhanh, nếu năm 1995, ở vùng Đông Bắc bình quân 202,5kg/người, năm 2000 là 278,6kg/người thì năm 2005 ước là 341kg/người; ứng với thời gian trên, ở vùng Tây Bắc là 205,8kg/người; 277,2kg/người và 369,3kg/người⁽⁴⁾. Việc phát triển mạnh cây lúa và ngô đã góp phần vào việc giải quyết vấn đề lương thực, từng bước bảo đảm an ninh lương thực vùng TDMNBB - đây được coi là cơ sở của bước chuyển tiếp trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn. Tỷ lệ chuyển dịch diện tích giữa các nhóm cây không đáng kể, nếu như năm 2000 nhóm cây lương thực chiếm 84% thì năm 2005 ước đạt 83%, trong khi đó nhóm rau đậu thực phẩm tăng từ 6% lên 7%. Ứng với thời gian trên, trong từng nhóm cũng có sự chuyển dịch, ví dụ như diện tích trồng lúa giảm từ

52% ước xuống 49% và ngô⁽⁵⁾ tăng từ 22% ước lên 25%... Cơ cấu mùa vụ trồng cây hàng năm chuyển dịch theo hướng tích cực mang lại giá trị sản xuất tăng. Nhờ ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng đối với các giống mới có thời gian sinh trưởng ngắn, các giống chịu được điều kiện khô hạn... nên một số nơi đã tăng một vụ cây trồng cạn trên đất một vụ lúa mùa chờ mưa như đậu tương, lạc, ngô trồng vào vụ xuân. Diện tích đất trồng cây lâu năm của hai nhóm cây được trồng tập trung với quy mô lớn và có tốc độ phát triển nhanh đó là: *một*, nhóm cây công nghiệp lâu năm (chè, cà phê, trầu, sô...), trong đó chè⁽⁶⁾ là cây chủ lực, cung cấp cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, diện tích trồng chè bình quân hàng năm tăng khoảng 10%; và *hai*, nhóm cây ăn quả (cam, quýt, nhãn, vải, mơ, mận, xoài...).

Chuyển dịch cơ cấu trong khu vực chăn nuôi vùng TDMNBB đáng khích lệ, tỷ trọng giá trị của chăn nuôi gia cầm tăng từ 36.679 nghìn con năm 2000, ước lên 49.939 nghìn con năm 2005; ứng với thời gian trên, chăn nuôi bò tăng từ 6.657 nghìn con lên 8.998 nghìn con, chăn nuôi trâu tăng từ 16.264 nghìn con lên 16.895 nghìn con, chăn nuôi lợn tăng từ 43.773 nghìn con lên 58.206 nghìn con.

Về lâm nghiệp vùng TDMNBB, giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp tăng không đáng kể, từ 2.480,9 tỷ VNĐ năm 2000 ước lên 2.552,8 tỷ VNĐ năm 2005 (theo giá so sánh 1994). Diện tích rừng tính đến năm 2005 ước là 4.360,8 nghìn ha, trong đó diện tích rừng trồng (rừng sản xuất, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng) chiếm 1.442,2 nghìn ha và rừng tự nhiên là 2.915,6 nghìn ha. Sự chuyển dịch cơ cấu diện tích đất rừng phù hợp với phát triển nông nghiệp nông thôn vùng TDMNBB, nhất là các tỉnh vùng Tây Bắc.

Ngành nuôi trồng thủy sản có xu hướng ổn định, mặc dù không phải là thế mạnh của vùng TDMNBB, trừ Quảng Ninh là tỉnh ven biển có tiềm năng phát triển nuôi trồng thủy sản khá lớn, còn chủ yếu tập trung vào nuôi cá trong ao hồ của các hộ gia đình, sông suối, hồ đập thủy lợi, thủy điện để nuôi cá lồng, bè và đánh bắt tự nhiên. Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng vùng TDMNBB tăng đáng kể từ 55.090 tấn năm 2000 ước lên 95.405 tấn năm 2005.

Công nghiệp nông thôn vùng TDMNBB đã được chú trọng phát triển, từng bước phục hồi làng nghề thủ công truyền thống, cụm công nghiệp nhỏ ở các làng nghề, phát triển làng nghề mới, hình thành một số cơ sở công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu, cũng như các loại hình dịch vụ, thương mại, tín dụng, kỹ thuật nông nghiệp khác.

- Về chuyển dịch cơ cấu lao động: chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp kéo theo chuyển dịch cơ cấu lao động trong khu vực nông thôn, lực lượng lao động nông nghiệp vùng TDMNBB hiện chiếm tỷ trọng lớn trong tổng lao động xã hội. Tỷ lệ thời gian làm việc được sử dụng của lao động trong độ tuổi ở khu vực nông thôn vùng TDMNBB thấp, theo số liệu thống kê, năm 2000 là 73,22% năm 2005 tăng lên 79,37%⁽⁷⁾. Việc di chuyển lao động giữa các vùng đã có xu hướng gia tăng, điều này góp phần giải quyết một phần lao động thiếu việc làm

và thu nhập thấp. Đối với việc di chuyển lao động từ nông thôn ra thành thị mang tính thời vụ – một hình thức di chuyển lao động thường xuyên, thì các địa phương vùng trung du phía Bắc là nơi có tỷ lệ di chuyển thấp nhất. Tình trạng dư thừa lao động nông nghiệp trên địa bàn tăng nhanh, trong khi chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp còn chậm, mặt khác, thị trường lao động trong khu vực công nghiệp và dịch vụ kém phát triển nên chưa thu hút được nhiều lao động. Trình độ kỹ thuật của lao động trong khu vực còn thấp.

- Về chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế: tiếp tục chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế và đan xen nhiều hình thức sở hữu ngày càng thích hợp với cơ chế thị trường. Trên địa bàn nông thôn vùng TDMNBB, sự phát triển của các hình thức kinh tế trong khu vực nông nghiệp nông thôn rất đáng được ghi nhận: thành phần kinh tế nhà nước chỉ chiếm một phần rất nhỏ; hệ thống doanh nghiệp nhà nước trong nông nghiệp (nông, lâm trường quốc doanh, các trạm sản xuất giống...) đã phát huy vai trò của mình với những mức độ khác nhau, chủ yếu là về mặt xã hội; hộ nông dân đã góp phần tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển kinh tế nông thôn; số hợp tác xã phát triển nhanh, tính đến tháng 9/2006, vùng TDMNBB có 1.030 hợp tác xã, trong đó vùng Đông Bắc là 877 hợp tác xã (hợp tác xã nông nghiệp là 824, hợp tác xã thủy sản là 41) và vùng Tây Bắc là 153 hợp tác xã (hợp tác xã nông nghiệp là 145, hợp tác xã thủy sản là 07)⁽⁸⁾; hệ thống trang trại hình thành và phát triển khá nhanh, tổng số trang trại vùng TDMNBB tính đến tháng 9/2006 là 5.917, trong đó vùng Đông Bắc là 5.502 trang trại (bao gồm các loại trang trại: trồng cây hàng năm là 116, trồng cây lâu năm là 1.166, chăn nuôi là 542, nuôi trồng thủy sản là 1.095) và vùng Tây Bắc là 414 trang trại (bao gồm các loại trang trại: trồng cây hàng năm là 45, trồng cây lâu năm là 76, chăn nuôi là 104, nuôi trồng thủy sản là 17)⁽⁹⁾. Kinh tế trang trại lấy sản xuất hàng hoá làm mục tiêu chủ đạo, tỷ trọng hàng hoá cao và thu nhập vượt trội so với kinh tế hộ thể hiện rõ ưu thế của phương thức tổ chức sản xuất tiến bộ, trở thành nhân tố tích cực góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu sản xuất nông nghiệp ở đây. Về cơ bản, cơ cấu nhiều thành phần kinh tế trong khu vực nông nghiệp nông thôn vùng TDMNBB chậm được hình thành và phát triển. Xét về hiệu quả kinh tế, sự chuyển sang kinh tế hàng hoá còn ở trình độ rất thấp.

- Về chuyển dịch cơ cấu vùng kinh tế: đã có bước điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế so sánh của từng tiểu vùng, hình thành một số vùng trọng điểm, vùng động lực và vùng chuyên canh sản xuất nông phẩm hàng hoá đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng của kinh tế vùng TDMNBB. Các xí nghiệp quy mô vừa và nhỏ gắn với cơ sở nguyên liệu nông, lâm nghiệp và thủy sản đã xuất hiện ở nhiều nơi. Nhà nước đã có cơ chế, chính sách khuyến khích thu hút các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ cho khu vực nông thôn, miền núi, các xã khó khăn và đặc biệt khó khăn ở vùng TDMNBB như các chương trình xoá đói giảm nghèo, xây dựng nhiều công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, văn hoá, xã hội...

Như vậy, với sự chi phối của quy luật thị trường, về cơ bản, xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp cũng như trong nội bộ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản của vùng TDMNBB, bước đầu đã có chuyển biến tích cực về cơ cấu sản xuất, cơ cấu sử dụng đất đai⁽¹⁰⁾, cơ cấu công nghệ theo hướng tiến bộ, hiệu quả. Từng bước chuyển sang nền nông nghiệp hàng hóa, phát triển theo hướng toàn diện, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế, hình thành nhiều vùng sản xuất nông sản hàng hoá tập trung. Tình trạng tự cung, tự cấp dần dần được xóa bỏ...

Tuy nhiên, so với nhu cầu và khả năng thì về một phương diện nào đó, có thể thấy là tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng CNH, HĐH ở vùng TDMNBB còn chậm, chưa hợp lý, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế về vị trí địa lý, kinh tế, đất đai khí hậu và các chính sách ưu tiên của Nhà nước. Mức độ phát triển của khu vực nông nghiệp nông thôn vùng TDMNBB chưa đảm bảo yêu cầu của nền sản xuất nông nghiệp bền vững... Ngược lại với việc phát triển mạnh ở khu vực nông nghiệp, khu vực lâm nghiệp cũng là một lợi thế của vùng nhưng chưa được đầu tư khai thác, diện tích rừng bị đốt phá nhiều⁽¹¹⁾, chất lượng rừng thấp. Việc đưa tiến bộ khoa học công nghệ vào phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn còn chậm. Công nghiệp chế biến nông, lâm nghiệp và thủy sản chưa được chú trọng đầu tư đúng mức; tỷ trọng các mặt hàng nông sản được chế biến còn rất thấp. Hiệu quả sử dụng vốn xét về mặt kinh tế thường là không cao, đầu tư vào các khu vực kém phát triển trong vùng vẫn chủ yếu hướng vào việc xoá đói giảm nghèo hơn là tập trung vào mục tiêu thị trường – mở cửa, do đó, chưa phát huy được khả năng phát triển các ngành sản xuất hàng hoá được coi là thế mạnh. Chưa có sự gắn kết hỗ trợ nhau trong nội bộ ngành nông nghiệp. Chuyển dịch cơ cấu lao động ít chuyển biến. Khả năng cạnh tranh hàng nông sản trên thị trường còn thấp, trong đó thị trường tiêu thụ nông sản là một trong những khó khăn lớn nhất, "...sản xuất chưa gắn kết chặt chẽ và có hiệu quả cao với thị trường; công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn vẫn còn lúng túng"⁽¹²⁾.

Những tồn tại trên đây do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, nhưng chủ yếu là do: vùng TDMNBB thiếu định hướng phát triển một cách cụ thể, mặt khác cơ chế và hướng đầu tư còn dàn trải nên kém hiệu quả. Cơ sở hạ tầng yếu kém, địa hình chia cắt phức tạp ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình đầu tư phát triển sản xuất, hạn chế giao lưu kinh tế - xã hội; chưa khai thác thế mạnh của vùng để đẩy nhanh tốc độ phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm. Mật độ dân trí nông thôn vùng TDMNBB chưa đáp ứng kịp nhu cầu phát triển của nền nông nghiệp hàng hóa. Thu nhập, đời sống của đại bộ phận dân cư trong vùng còn rất thấp. Chưa quan tâm đến quan hệ cung cầu trên thị trường, mối liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản kém. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp chậm dẫn đến tình trạng ít biến đổi trong cơ cấu lao động, ngay trong khu vực phi nông nghiệp cũng chưa thu hút được lao động nông nghiệp...

2. Một số giải pháp thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn vùng Trung du miền núi Bắc Bộ

Bước vào những năm đầu của thế kỷ XXI, cùng với sự gia tăng của xu hướng toàn cầu hoá và sự phát triển của kinh tế tri thức, một diện mạo mới của đời sống kinh tế - chính trị và xã hội của thế giới đang hình thành và có tác động hết sức sâu rộng đối với mọi quốc gia, và ở mức độ tổng quát là đang làm cho cơ cấu kinh tế chuyển dịch sang thời kỳ mới, thời kỳ hậu công nghiệp. Quá trình CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn nói chung, CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn vùng TDMNBB nói riêng vừa có được điểm xuất phát mới do quá trình đổi mới thời gian qua đem lại, lại vừa chịu sự tác động ảnh hưởng rất lớn của bối cảnh quốc tế mới này, đặc biệt, Việt Nam vừa trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Vì vậy, để đẩy mạnh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn vùng TDMNBB trong quá trình CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn trong những năm tới, cần tiến hành đồng thời một hệ thống các giải pháp đồng bộ. Ở đây chỉ đề cập đến một số giải pháp được coi là chủ yếu sau:

Một là, từ một nền kinh tế nông nghiệp tự cung, tự cấp chuyển sang một nền kinh tế hàng hoá cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường trong nước và xuất khẩu, đòi hỏi phải định hướng lại sản xuất nông nghiệp theo yêu cầu của thị trường trên phạm vi cả nước, nhất là đối với vùng TDMNBB. Xây dựng cơ cấu sản xuất nông nghiệp hợp lý, điều chỉnh quy hoạch cho các nhóm ngành cơ bản trong khu vực nông nghiệp, trong thời gian ngắn và trung hạn, đặt trọng tâm vào sản xuất lương thực mà trước hết là lúa gạo nhằm ổn định đời sống kinh tế - chính trị - xã hội của đồng bào dân tộc vùng TDMNBB. Nhìn từ góc độ chuyển dịch cơ cấu lao động, sản xuất lúa gạo sẽ góp phần đảm bảo an toàn cho quá trình chuyển dần lao động từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ. Nhanh chóng hình thành các vùng sản xuất hàng hoá tập trung trên cơ sở phân vùng sản xuất phù hợp với các đặc điểm tự nhiên kinh tế - xã hội của từng tiểu vùng. Đầu tư phát triển, liên doanh, liên kết trong phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản, nâng cao năng lực đánh bắt, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Chú trọng phát triển hoạt động nghiên cứu và triển khai, nâng cao tỷ trọng đóng góp của khoa học - công nghệ đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở vùng TDMNBB, đưa công nghệ sinh học, giống mới, qui trình sản xuất mới, công nghệ mới trong bảo quản, chế biến nông sản... vào tăng trưởng của từng ngành, từng sản phẩm, từng lĩnh vực và từng tiểu vùng một cách phù hợp với điều kiện sinh thái vùng TDMNBB, chẳng hạn như có thể nghiên cứu để đưa ra các loại giống mới có năng suất và chất lượng cao, như: giống chè Đài Loan, Nhật Bản; giống cây ăn quả đặc sản; giống gia súc, gia cầm... Cùng cố hệ thống khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, nhất là ở cơ sở để có thể nhanh chóng đưa việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp ở vùng

TDMNBB; xúc tiến công tác đào tạo nông dân cả về kỹ thuật sản xuất và quản lý kinh doanh... giúp các hộ gia đình thực hiện tốt công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi.

Tạo dựng và phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn, có thể chuyển một số doanh nghiệp gia công và chế biến ở thành phố, thị xã về nông thôn, đồng thời với việc phát triển các doanh nghiệp công nghiệp có quy mô vừa và nhỏ theo hướng cần ít vốn đầu tư và có khả năng tiếp nhận công nghệ hiện đại, tập trung vào việc chế biến các mặt hàng lâm, nông và thủy sản tại chỗ, các mặt hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nông thôn nhằm phục vụ cho việc đầu tư vào sản xuất và đầu ra của sản phẩm nông nghiệp (chẳng hạn như: xây dựng Nhà máy chế biến hoa quả ở những vùng trồng cây ăn quả tập trung có sản lượng lớn; hoặc xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn gia súc ở các địa phương có diện tích trồng ngô, khoai, sắn tập trung...). Ở những vùng nông thôn có điều kiện có thể xây dựng các khu vực công nghiệp tập trung, các điểm công nghiệp, các làng nghề gắn với thị trường trong nước và xuất khẩu; đối với các làng nghề truyền thống ở nông thôn có lịch sử lâu đời - đã trở thành một nền văn hoá kinh doanh nông thôn, với kinh nghiệm về tổ chức, cách thức tổ chức kinh doanh, bí quyết công nghệ đang còn giá trị, kết hợp với tri thức hiện đại, công nghệ mới có thể cải tạo, hiện đại hoá, phát triển nhanh và hiệu quả... Đẩy mạnh mối liên kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ các mặt hàng nông sản tạo ra sự đa dạng hoá và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp cũng như thúc đẩy quá trình CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn vùng TDMNBB.

Hai là, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn là một trong những nội dung quan trọng của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn vùng TDMNBB, do đó Nhà nước cần định hướng đầu tư hỗ trợ phát triển cho mỗi tiểu vùng, địa phương một cách thích hợp đối với các vùng nông thôn có thể mạnh về tiềm năng tự nhiên cho phép tạo nhiều việc làm và tăng thu nhập với một số vốn đầu tư tương đối hạn chế; đồng thời đầu tư mạnh vào giáo dục, tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục bắt buộc đối với vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, đa dạng hoá các loại hình đào tạo nhằm nâng cao trình độ nguồn nhân lực ở khu vực này. Cần tổ chức nghiên cứu, tổng kết việc quản lý sử dụng đất nông nghiệp làm cơ sở cho việc chuyển đổi cơ cấu ruộng đất, kể cả diện tích đất chuyển sang mục đích phi nông nghiệp ở vùng TDMNBB, theo đó thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu lao động một cách hợp lý. Chú trọng phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động, có khả năng thu hồi vốn nhanh, chẳng hạn như các ngành công nghiệp nhẹ, các lĩnh vực sản xuất phi nông nghiệp...

Bài học kinh nghiệm của các nước đã công nghiệp hóa cho thấy quy luật phổ biến là công nghiệp hóa bao giờ cũng đi cùng với đô thị hóa⁽¹³⁾. Tiến hành đô thị hoá khu vực nông nghiệp nông thôn vùng TDMNBB không chỉ tạo động lực cho phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, mà sẽ tạo thêm nhiều việc làm, thu hút một phần số nông dân, làm nông nghiệp tham gia vào khu vực phi nông nghiệp từng bước giải quyết vấn đề dư thừa lao

động ở nông thôn. Tuy nhiên, cần lưu ý là việc đảm bảo an toàn, ổn định đời sống của số lao động nông nghiệp tham gia vào lực lượng lao động phi nông nghiệp và các ngành công nghiệp ở nông thôn giữ vai trò quan trọng trong việc ổn định và phát triển kinh tế – xã hội của vùng TDMNBB.

Ba là, đẩy nhanh và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch phát triển vùng TDMNBB trong mối tương quan với các vùng khác trong cả nước và giữa các tiểu vùng trên cơ sở lợi thế so sánh. Nhà nước cần tạo ra môi trường thông thoáng giúp các chủ thể kinh tế chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp cận dễ dàng và công bằng đến các cơ hội phát triển, từng bước thực hiện có hiệu quả sự chuyển dịch kinh tế giữa các tiểu vùng. Ở giai đoạn trước mắt cũng như lâu dài, tăng vốn đầu tư mạnh hơn vào xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật cho khu vực nông thôn, nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, trước hết là đường giao thông, mạng lưới điện, hệ thống thuỷ lợi... phù hợp, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của vùng TDMNBB, góp phần giảm bớt những hạn chế của các tiểu vùng chậm phát triển, tạo điều kiện cho các tiểu vùng liên kết phối hợp phát triển.

Khuyến khích mở rộng phạm vi và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ nông nghiệp như: trợ giúp kỹ thuật, cung cấp thông tin thị trường, hỗ trợ tài chính và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm...; tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân vùng TDMNBB chuyển đổi cơ cấu sản xuất, giao dịch thị trường một cách tốt hơn và an toàn hơn. Nhà nước cần định hướng, quy hoạch phát triển mạnh hệ thống thị trường tiêu thụ các mặt hàng nông sản hàng hoá, kể cả hệ thống chợ nông thôn trong vùng, nâng cao sức mua của thị trường trong nước, mà trọng tâm là khu vực thị trường nông thôn - đây được coi là một giải pháp quan trọng về mở rộng thị trường; triển khai việc sử dụng công nghệ hiện đại vào quảng cáo, tiếp thị sản phẩm nông nghiệp.

Bốn là, tiếp tục đổi mới và hoàn thiện các chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách tín dụng, chính sách thuế, chính sách đất đai... nhất là hệ thống luật pháp kinh tế nhằm phát triển mạnh mẽ nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần ở vùng TDMNBB. Khuyến khích và tạo điều kiện cho Hội nông dân ở các cơ sở hoạt động có hiệu quả. Chú trọng tăng cường các hoạt động phổ biến, hướng dẫn, sử dụng và chuyển giao quy trình công nghệ mới với các hình thức chuyển giao thích hợp vào thực tiễn sản xuất. Ngoài ra, Nhà nước có thể áp dụng các biện pháp hỗ trợ nông dân, ngoài những điều khoản mà quy định của WTO không cấm, nhất là các chính sách về khuyến nông, đầu tư khoa học - kỹ thuật để nâng cao sản phẩm của khu vực nông nghiệp nông thôn vùng TDMNBB.

Tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của kinh tế hộ – với tư cách đơn vị sản xuất hàng hoá trong nền kinh tế thị trường trong giai đoạn trước mắt. Về lâu dài, trong điều kiện khoa học công nghệ và sản xuất hàng hoá lớn cần tiếp tục đẩy mạnh phát triển hình thức kinh tế trang trại (nông trại), nhất là ở vùng miền

núi, vùng sâu, vùng xa thuộc khu vực TDMNBB để tận dụng tối đa các nguồn lực chưa được khai thác, biến chúng thành lợi thế phát triển. Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp tư nhân vừa và nhỏ ở nông thôn – lực lượng này giữ vai trò chủ đạo trong việc tạo ra việc làm mới thu hút một phần lao động nông nghiệp. Tiếp tục nghiên cứu cơ chế, chính sách và tổ chức mô hình hợp tác xã kiểu mới – loại hình tổ chức kinh doanh thuộc thành phần kinh tế tập thể trong khu vực nông nghiệp. Sắp xếp lại và đổi mới doanh nghiệp nhà nước trong khu vực nông nghiệp, thực hiện đa dạng hoá hình thức sở hữu các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh và thay đổi cơ chế hoạt động của các doanh nghiệp hoạt động công ích, để các doanh nghiệp này trở thành các doanh nghiệp mạnh đóng vai trò chủ đạo trong thực hiện dịch vụ kỹ thuật, cung ứng giống, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm cho nông dân vùng TDMNBB.

Tóm lại, quá trình CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn nói chung, CNH, HĐH nông nghiệp nông thôn vùng TDMNBB nói riêng trong giai đoạn tới - giai đoạn có ý nghĩa hết sức quan trọng, giai đoạn “tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại”⁽¹⁴⁾ đang đòi hỏi phải có cách tiếp cận mới trong tư duy phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn - khu vực có vai trò đặc biệt quan trọng đối với nhiệm vụ ổn định chính trị, kinh tế - xã hội tạo cơ sở giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông nghiệp, nông thôn được coi là một trong những điều kiện tiên quyết để góp phần vào thực hiện thành công mô hình CNH, HĐH rút ngắn ở nước ta.

Chú thích

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 139.
2. TDMNBB bao gồm vùng Đông Bắc và vùng Tây Bắc, trong đó vùng Đông Bắc gồm các tỉnh: Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Quảng Ninh; và vùng Tây Bắc gồm các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hoà Bình.
3. Nghị quyết Hội nghị BCHTW Đảng lần thứ 5 (khóa VII), lần thứ 6 (khóa VIII), lần thứ 5 (khóa IX) và một số chính sách của Đảng và Nhà nước định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn về đất đai, về phát triển trang trại...
4. Số liệu năm 2005 là ước tính; Tính toán theo Niên giám thống kê của các tỉnh vùng Đông Bắc và Tây Bắc, Niên giám thống kê, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2005.
5. <http://www.gso.gov.vn>
6. Tổng diện tích trồng ngô vùng TDMNBB khoảng 354 nghìn ha với sản lượng trên 1 triệu tấn/năm. Các địa phương có vùng ngô tập trung qui mô lớn như: Sơn La, Hà Giang, Cao Bằng và Hoà Bình.

7. Tổng diện tích trồng chè vùng TDMNBB trên 73,7 nghìn ha chiếm 62,1% tổng diện tích chè cả nước, sản lượng chè búp tươi 316,6 nghìn tấn/năm chiếm 66,15% sản lượng chè búp tươi cả nước. Chè được trồng tập trung với quy mô lớn ở một số tỉnh như: Hà Giang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái và Tuyên Quang ...
8. Tính toán từ Niên giám Thống kê năm 2005, tr. 49.
9. <http://www.gso.gov.vn>
10. <http://www.gso.gov.vn>
11. Chỉ tính riêng giai đoạn 1995 đến 2004 diện tích đất nông nghiệp của vùng TDMNBB đã tăng thêm 38.755 ha (bình quân tăng 4.306 ha/năm).
12. Diện tích rừng bị cháy năm 2000 là 537,4 ha đến năm 2005 diện tích rừng bị cháy ước là 2190,6 ha. *Niên giám thống kê 2005*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2006.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.164.
14. Xem thêm: PGS.TS. Bùi Tất Thắng, *Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2006, tr.334-335.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, 2006.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng lần thứ 5 (khoá IX) về đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn thời kỳ 2001 - 2010*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
3. GS.TS. Nguyễn Kế Tuấn (chủ biên), *Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn ở Việt Nam: bước đi và giải pháp*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
4. GS.TS. Đỗ Hoài Nam (chủ biên), *Một số vấn đề về công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003.
5. PGS.TS. Bùi Tất Thắng, *Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006.
6. TS. Nguyễn Xuân Dũng, *Một số định hướng đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam giai đoạn 2001-2010*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.
7. TS. Đặng Kim Sơn, *Công nghiệp hoá từ nông nghiệp: lý luận thực tiễn và triển vọng áp dụng ở Việt Nam*, Nxb. Nông nghiệp, 2001, Hà Nội.
8. *Niên giám Thống kê*, Tổng cục Thống kê, Nxb. Thống kê, Hà Nội, 1995 - 2006.
9. *Niên giám Thống kê*, Cục Thống kê các tỉnh MNTDBB, 2000 - 2005.
10. Số liệu thống kê về đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2005.
11. Số liệu thống kê của Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2005.
12. <http://www.gso.gov.vn>
13. Benjamin, Dwayne, and Loren Brandt (2004) "Agriculture and income distribution in rural Vietnam under economic reforms: A tale of two regions". In *Economic Growth, Poverty and Welfare: Policy lessons from Vietnam*, ed. Paul Glewwe, Nisha Agrawal, and David Dollar (Washington DC: World Bank).